

Bản án số: **159/2018/HNGĐ - ST**

Ngày 14/8/2018

"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Ánh

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quang Luân

2. Bà Phan Thị Bích

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 105/2018/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 5 năm 2018 về việc *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27/7/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Triệu Văn T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn 1 M, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang

- Bị đơn: Chị Đặng Thị Đ, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Anh T, Chị Đ vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 19/4/2018, bản tự khai của đương sự và biên bản lấy lời khai ngày 31/5/2018 nguyên đơn Anh Triệu Văn T trình bày:

Anh và Chị Đặng Thị Đ sau một thời gian tìm hiểu thì đã tiến tới hôn nhân, anh và Chị Đ được hai bên gia đình cưới hỏi theo phong tục địa phương và chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 14/10/2001 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Anh và Chị Đ chung sống đến năm 2011 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, vợ chồng sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Anh xác định tình cảm với Chị Đ đã không còn, vợ chồng ly thân đã lâu không thể hàn gắn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa anh và Chị Đ.

- Về con chung: Anh và Chị Đặng Thị Đ có 03 con chung là: Triệu Thị H, sinh ngày 15/9/2002; Triệu Thị T, sinh ngày 17/5/2004; Triệu Thị P, sinh ngày

26/4/2007.

Từ khi anh và Chị Đ sống ly thân, cháu Triệu Thị H ở với Chị Đ tại thôn Thôm Táu, xã Phù Lưu; còn cháu Triệu Thị T và Triệu Thị P ở với anh tại thôn 1 M, xã M, huyện H. Về việc nuôi con chung sau khi Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng, anh có nguyện vọng tiếp tục được nuôi dưỡng hai con là Triệu Thị T và Triệu Thị P, anh đề nghị chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu là Triệu Thị H. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung: Anh và Chị Đ không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Anh và Chị Đ không vay nợ nên không đề nghị giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/5/2018 bị đơn Chị Đặng Thị Đ trình bày:

Chị và Anh Triệu Văn T sau một thời gian quen biết đã tiến tới hôn nhân, chị và anh T được hai bên gia đình cưới hỏi theo phong tục địa phương và chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 14/10/2001 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Chị và anh T chung sống cùng nhau từ ngày 14/10/2001 đến năm 2011 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Chị xác định tình cảm với anh T đã không còn, anh T đề nghị giải quyết không công nhận vợ chồng tại Tòa án chỉ nhất trí, đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng cho chị và anh T.

Về con chung: Chị và Anh Triệu Văn T có 03 con chung là: Triệu Thị H, sinh ngày 15/9/2002; Triệu Thị T sinh ngày 17/5/2004; Triệu Thị P, sinh ngày 26/4/2007.

Từ khi chị và anh T sống ly thân, cháu Triệu Thị H ở với chị tại thôn T, xã P; còn cháu Triệu Thị T và Triệu Thị P ở với Anh Triệu Văn T tại thôn 1 M, xã M, huyện H.

Về việc nuôi con chung sau khi Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng chị có nguyện vọng tiếp tục được nuôi dưỡng cháu là Triệu Thị H, để anh T trực tiếp nuôi hai con là Triệu Thị T và Triệu Thị P. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị và anh T không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Chị và anh T không vay nợ nên không đề nghị giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của các con chung ngày 08/6/2018 thể hiện như sau:

Cháu Triệu Thị H, sinh ngày 15/9/2002, hiện cháu đang ở với mẹ là Đặng Thị Đ tại thôn T, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Nếu bố mẹ cháu được Tòa giải quyết không công nhận vợ chồng, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ cháu là Đặng Thị Đ.

Cháu Triệu Thị T sinh ngày 17/5/2004, hiện cháu đang ở với bố là Triệu Văn T tại Thôn 1 M, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với bố Triệu Văn T.

Cháu Triệu Thị Phương, sinh ngày 26/4/2007, hiện cháu đang ở với bố tại Thôn 1 M, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với bố Triệu Văn T.

Tại biên bản xác minh ngày 13/7/2018 thôn 1 M, xã M, huyện H cung cấp như sau:

Anh Triệu Văn T và Chị Đặng Thị Đ sau khi được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương thì chung sống với nhau từ năm 2001, nhưng không có đăng ký kết hôn, cuộc sống của anh T, Chị Đ không hòa hợp, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, năm 2011, anh T, Chị Đ sống ly thân, Chị Đ hiện không còn sống tại thôn 1 M, xã M mà Chị Đ hiện sống ở quê bố mẹ đẻ của chị tại thôn T, xã P, huyện H. Về con chung: Anh Triệu Văn T và Chị Đặng Thị Đ có 03 con chung là: Triệu Thị H, sinh ngày 15/9/2002; Triệu Thị T, sinh ngày 17/5/2004; Triệu Thị P, sinh ngày 26/4/2007. Hiện cháu Triệu Thị T và Triệu Thị P ở với Anh Triệu Văn T tại thôn 1 M, xã M, huyện H. Còn cháu Triệu Thị H ở với Chị Đặng Thị Đ tại thôn T, xã P, huyện H. Thu nhập bình quân của người lao động tại địa phương đạt 140.000đ/ngày, khả năng nuôi con của anh T và Chị Đ là ngang nhau. Về tài sản chung và vay nợ chung: Anh T và Chị Đ không có tài sản chung và không vay nợ cá nhân, tổ chức nào.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các quy định của Luật hôn nhân và gia đình và Bộ luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Anh Triệu Văn T và xử không công nhận vợ chồng giữa Anh Triệu Văn T và Chị Đặng Thị Đ, giao con chung là Triệu Thị T và Triệu Thị P cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. giao con chung là Triệu Thị H cho Chị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc Anh Triệu Văn T phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn Anh Triệu Văn T và bị đơn Chị Đặng Thị Đ vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Triệu Văn T và Chị Đặng Thị Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 14/10/2001, việc chung sống là do hai bên tự nguyện, được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, nhưng không có đăng ký kết hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân của anh T và Chị Đ là không hợp pháp.

Thời gian chung sống như vợ chồng giữa anh T và Chị Đ từ năm 2001, quá trình chung sống được 10 năm thì nảy sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, từ năm 2011 đến nay anh T và Chị Đ không còn chung sống với nhau nữa. Việc chung sống như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn của anh T và Chị Đ là vi phạm pháp luật hôn nhân và gia đình, trong quá trình chung sống

anh T và Chị Đ cũng không thực hiện đăng ký kết hôn bổ sung, như vậy mối quan hệ của anh T và Chị Đ không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên cũng đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông anh T và Chị Đ, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống: Anh Triệu Văn T và Chị Đặng Thị Đ xác định có 03 con chung là: Triệu Thị H, sinh ngày 15/9/2002; Triệu Thị T, sinh ngày 17/5/2004; Triệu Thị P, sinh ngày 26/4/2007.

Hiện cháu Triệu Thị T và Triệu Thị P ở với Anh Triệu Văn T tại thôn 1 M, xã M, huyện H. Còn cháu Triệu Thị H ở với Chị Đặng Thị Đ tại thôn T, xã P, huyện H.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, tại các buổi hòa giải, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giao nuôi con chung như sau: Giao cháu Triệu Thị T và Triệu Thị P cho Anh Triệu Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Giao cháu Triệu Thị H cho Chị Đặng Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh T và Chị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Do đó cần công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như trên.

[4] Về tài sản chung: Anh T và Chị Đ không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về vay nợ chung: Anh T và Chị Đ không vay nợ ai, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh Triệu Văn T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1, khoản 7 Điều 28, Điều 147, Điều 227, 228, 238, khoản 1 Điều 235, Điều 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Anh Triệu Văn T.

Tuyên bố Anh Triệu Văn T và Chị Đặng Thị Đ không phải là vợ chồng.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Giao cháu Triệu Thị T, sinh ngày 17/5/2004 và cháu Triệu Thị P, sinh ngày 26/4/2007 cho Anh Triệu Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Giao cháu Triệu Thị H, sinh ngày 15/9/2002 cho Chị Đặng Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh T và Chị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về án phí: Anh Triệu Văn T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai số 0004057 ngày 31/5/2018 của Chi cục Thi

hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Chị Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Triệu Văn T và Chị Đặng Thị Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục T.H.A DS huyện Hàm Yên;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Công Ánh